TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS-ST
Ngày 31-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: S, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1.Bà Nguyễn Mộng C là chuyên viên xử lý nợ pháp lý. (có mặt)

2.Ông Lê Văn M là chuyên viên xử lý nợ pháp lý.

3.Ông Nguyễn Hoàng H là chuyên viên xử lý nợ.

4.Ông Lê Minh K là chuyên viên xử lý nợ pháp lý.

Địa chỉ liên hệ: T, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Căn cước công dân số 096090000576, cấp ngày 10/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2025 cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Mộng C là người nhận ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:*

Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Thanh L có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 07/10/2024 ông L vay số tiền vốn 143.400.000 đồng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất vay 29%/năm. Mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Quá trình vay, ông L đã thanh toán được 30.571.030 đồng (trong đó vốn 13.448.778 đồng, lãi 16.622.752 đồng). Ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký với ngân hàng từ ngày 16/4/2025 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông L thanh toán vốn và lãi theo hợp đồng đã kí nhưng đến nay ông chưa thanh toán.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông L có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng tính đến ngày 31/3/2026 với tổng số tiền là 174.409.760 đồng theo hợp đồng đã kí, trong đó vốn vay là 129.951.222 đồng, lãi trong hạn là 29.639.025 đồng, lãi quá hạn là 14.819.513 đồng. Đồng thời ông L còn tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2026 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng đã ký với ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh L có nghĩa vụ thanh toán nợ nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng; Ông L có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã N, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông L không có văn bản ý kiến và vắng mặt khi xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu ông L có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền vay còn nợ cho ngân hàng tính đến ngày 31/3/2026 theo hợp đồng đã kí ngày 07/10/2024 với tổng số tiền là 174.409.760 đồng. Xét thấy, yêu cầu của

ngân hàng là có cơ sở. Bởi vì, việc ông L vay tiền có trực tiếp ký hợp đồng với Ngân hàng được thể hiện tại hợp đồng tín dụng ngày 07/10/2024 và ông L có nhận số tiền vốn vay vốn là 143.400.000 đồng. Quá trình vay ông L không thanh toán vốn và lãi như thỏa thuận. Tính đến ngày 31/3/2026 ông L còn nợ ngân hàng số tiền vốn và lãi là 174.409.760 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông L có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ theo yêu câu của ngân hàng.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Xét, hợp đồng giữa ông L ký với ngân hàng có quy định lãi suất. Do đó, kể từ ngày 01/4/2026 ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng nêu trên cho đến khi ông thanh toán xong khoản nợ ngân hàng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 99, 100, 102, 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V với ông Lê Thanh L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Thanh L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày 31/3/2026 là 174.410.000đ (Một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo Hợp đồng tín dụng ngày 07/10/2024.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày 01/4/2026 ông Lê Thanh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh L phải chịu án phí với số tiền 8.720.500 đ (Tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí. Vào ngày 16/12/2025 Ngân hàng có dự nộp 3.927.000 đ (Ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0006509 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phi Hùng – Đinh Chí Hiển **Nguyễn Kiều Trang**